

B GIÁO D C VÀ ÀO T O

I H C À N NG

D NG TH LÝ

PHÂN TÍCH HI U QU S D NG V N

T I CÔNG TY TNHH INH PHÁT

Chuyên ngành: K toán

Mã s : 60.34.30

TÓM T T

LU NV N TH CS QU N TR KINH DOANH

à N ng - N m 2012

Công trình đã hoàn thành t i

I H C À N NG

Ng i h ng d n khoa h c: PGS.TS Nguy n M nh Toàn

- Ph n bi n 1: PGS.TS. Nguy n Công Ph ng
- Ph n bi n 2: PGS.TS. ng V n Thanh

Lu n v n ã c b o v tr c H i ng ch m Lu n v n t t
nghi p th c s Qu n tr kinh doanh h p t i i h c à N ng
vào ngày 19 tháng 01 n m 2013

Có th tìm hi u lu n v n t i:

- Trung tâm Thông tin – H c li u, i h c à N ng
- Th vi n tr ng i h c Kinh t , i h c à N ng

M U

1. Tính c p thi t c a tài

Ho t ng trong n n kinh t th tr ng, c bi t là trong giai o n h i nh p v i n n kinh t khu v c và th gi i, các doanh nghi p Vi t Nam ph i ng u v i r t nhi u v n khó kh n, m t trong nh ng v n khó kh n l n chính là v n. V n s n xu t kinh doanh trong các doanh nghi p là y u t quan tr ng quy t nh t i s t n t i và phát tri n c a doanh nghi p. B i v y b t k m t doanh nghi p nào mu n t n t i và phát tri n ph i quan tâm n v n t o l p v n, qu n lý ng v n sao cho có hi u qu , nh m mang l i l i nhu n cao nh t cho doanh nghi p trên c s tôn tr ng các nguyên t c qu n lý tài chính, tín d ng và ch p hành úng pháp lu t nhà n c.

S phát tri n kinh t kinh doanh v i quy mô ngày càng l n c a các doanh nghi p òi h i ph i có m t l ng v n ngày càng nhi u. M t khác ngày nay s ti n b c a khoa h c công ngh v i t c cao và các doanh nghi p ho t ng kinh doanh trong i u ki n c a n n kinh t m v i xu th qu c t hoá ngày càng m r ng, s c nh tranh trên th tr ng ngày càng kh c li t thì nhu c u v n dài h n c a doanh nghi p cho u t phát tri n ngày càng l n. òi h i các doanh nghi p ph i huy ng cao ngu n v n bên trong c ng nh bên ngoài và ph i s d ng ng v n m t cách có hi u qu cao nh t.

Chính vì th qu n lý v n là m t b ph n c u thành quan tr ng trong h th ng qu n lý kinh t tài chính và i u hành ki m soát các ho t ng v tình hình s d ng và phát tri n v n, bi t phân b ngu n v n sao cho h p lý tránh tình tr ng d th a, lãng phí, th t thu v v n làm nh h ng n s phát tri n kinh doanh c a doanh nghi p.

Vi c phân tích hi u qu s d ng v n là quan tr ng i v i các doanh nghi p trong công tác qu n lý v n, song hi n nay trên th c

t các doanh nghiệp lập lịch a chú trọng vì c phân tích v n này. Các doanh nghiệp thì không tiến hành phân tích; các doanh nghiệp lập n m c dù có quan tâm, có nh n th y t m quan trọng c a vì c phân tích nh ng công tác t ch c phân tích còn b c l nh i u h n ch . Do ó, các thông tin cung c p t vì c phân tích ch a th c s thuy t ph c, h u ích cho các nhà qu n tr , không có s c thu hút cao i v i các nhà u t .

Chính t nh ng nh n th c ó cùng v i vì c có c các c h i nghiên c u sâu v Công ty TNHH ình Phát, tác gi cho r ng vì c phân tích hi u qu s d ng v n t i công ty này là m t v n có ý ngh a khoa h c và th c ti n. Do ó tác gi tôi ch n tài **“Phân tích hi u qu s d ng v n t i Công ty TNHH ình Phát”** làm lu n v n th c s c a mình.

2. M c tiêu nghiên c u

- H th ng hóa c nh ng v n lý lu n v v n, hi u qu s d ng v n, ch tiêu phân tích hi u qu s d ng v n và các nhân t nh h ng t i hi u qu s d ng v n.

- Kh o sát, ánh giá th c tr ng công tác phân tích hi u qu s d ng v n t i Công ty TNHH ình Phát, qua ó xu t m t s bi n pháp nh m hoàn thi n v n i dung và ph ng pháp phân tích hi u qu s d ng v n phù h p v i c thù c a công ty trong c ch th tr ng, t ó áp ng nhu c u cung c p thông tin h u ích cho các i t ng quan tâm.

3. i t ng và ph m vi nghiên c u

- i t ng nghiên c u c a lu n v n là c s lý lu n và th c tr ng phân tích hi u qu s d ng v n c a Công ty TNHH ình Phát giai o n 2009 - 2011

- Ph m vi nghiên c u : Công ty TNHH ình Phát

4. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

- Các phương pháp thống kê dùng trong phân tích hoạt động kinh doanh như: phương pháp so sánh, phương pháp chi tiết, phương pháp logic

- Phương pháp định tính

5. Kỹ thuật tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục, phần lời, các biểu bảng, các quy định và tài liệu bao gồm 3 nội dung chính:

- *Chương 1:* Lý luận chung về phân tích hiệu quả sản xuất và vận hành trong doanh nghiệp

- *Chương 2:* Thực trạng phân tích hiệu quả sản xuất và vận hành Công ty TNHH Kinh Phát triển 2009 – 2011

- *Chương 3:* Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác phân tích hiệu quả sản xuất và vận hành Công ty TNHH Kinh Phát

6. Tài liệu tham khảo

Hiệu quả sản xuất và vận hành và phân tích hiệu quả sản xuất và vận hành then chốt trong quá trình tìm kiếm cơ hội kinh doanh của ta hiện nay, và vấn đề này đã được nhiều tác giả nghiên cứu và đề cập thông qua một số giáo trình chuyên ngành Kế toán như: Hiệu quả sản xuất và vận hành trong các doanh nghiệp và nhà (TS Phạm Văn Tuấn (2006), Nhà xuất bản Kinh tế quốc dân Hà Nội), Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh (GS.TS Trần Bá Thanh - TS Trần Đình Khôi Nguyên (2007), Nhà xuất bản Giáo dục), Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh (PGS.TS. Phạm Thị Gái (2004), Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội); Phân tích hoạt động kinh doanh (Phạm Văn Cường, Nguyễn Kim Cường (1999), Nhà xuất bản Thống kê), Phân tích kinh tế doanh nghiệp - Lý thuyết và thực

hành (TS.Nguyễn Ngọc Phúc (2003), Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội), Giáo trình Quản trị kinh doanh, T.S Nguyễn Văn Công, Giáo trình Phân tích hoạt động kinh doanh, Bộ môn kế toán quản trị và PTH KD (PGS.TS. Phạm Ngọc Kim (2010) NXB Thế giới), ngoài ra, quan tâm đến vấn đề này đã có một số tài liệu nghiên cứu khoa học, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ về nghiên cứu và thực hiện thông qua:

Quan điểm nghiên cứu: hướng nghiên cứu phân tích hiệu quả của các nhà kinh tế và các nhà kế toán hoàn toàn tách rời nhau. Nếu các nhà kế toán nghiên cứu về tính chất kế toán, quan tâm đến những chỉ tiêu phản ánh hiệu quả xã hội, thì các nhà kinh tế lý thuyết nghiên cứu các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính phân tích và hiệu quả sản xuất của doanh nghiệp kết quả của quá trình phân tích và phản ánh rõ nét về hiệu quả sản xuất kinh doanh trong quá trình kinh doanh.

Nội dung và chỉ tiêu phân tích: Hiệu quả hoạt động và hiệu quả sản xuất là tài sản chủ yếu nghiên cứu về những góc khác nhau như một số tài sản sau:

Nguyễn Thị Thảo, (2009), Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sản xuất tại Công ty xây dựng 75 - Thủ Đức Công ty Xây dựng công trình Giao thông 8 – Bộ giao thông vận tải: Tác giả phân tích các yếu tố tài sản hiệu quả sản xuất và vận hành của doanh nghiệp. Tác giả đưa ra giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất thông qua thuế tài chính và chi phí khấu hao tài sản và nâng cao hiệu quả vận hành bằng cách lập kế hoạch xác định nhu cầu vận hành và quản lý nhân sự.

Thanh Bình Nam (2006) “Phân tích hiệu quả sản xuất của công ty sông Đà 6” và tài liệu nghiên cứu của tác giả Nguyễn

Khúc Quang (2007) “Phân tích hiệu quả sử dụng vốn tài công ty sông à 11”- thu của Công ty sông à: trong tài tác giả phân tích các yếu tố, nguồn nhân lực, hiệu quả kinh doanh, hiệu quả sử dụng tài sản cố định, hiệu quả sử dụng vốn lưu động có ảnh hưởng đến xét hiệu quả sử dụng vốn của năm và đưa ra giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cố định và vốn lưu động.

Đặng Tam Kha, (2005), Phân tích hiệu quả sử dụng vốn tài công ty xây dựng và kinh doanh phát triển nhà Cửa Thành: Sau khi tác giả phân tích các yếu tố, nguồn nhân lực của công ty cho thấy hiệu suất công ty có vốn lưu động chỉ mất trung bình cao trong tổng nguồn nhân lực, nên phải mất trung bình cao trong tổng tài sản, doanh thu liên tục tăng nhưng lợi nhuận giảm. Tác giả đưa ra giải pháp là cần có chính sách quản lý về chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động và vốn cố định, tăng cường kiểm soát chi phí.

Võ Ngọc Ánh, (2005), Phân tích hiệu quả sử dụng vốn tài công ty Mekong: Thông qua việc phân tích các yếu tố liên quan đến hiệu quả sử dụng vốn như khả năng thanh toán, hiệu quả sử dụng vốn lưu động, hiệu quả sử dụng vốn cố định,... tác giả kết luận hiệu suất công ty đang trong tình trạng khó khăn về vốn và kỹ thuật, phải cạnh tranh trong khâu thu mua nguyên liệu và khâu tiêu thụ. Khả năng thanh toán của công ty tăng dần qua năm nhưng hiệu quả sử dụng vốn lưu động và vốn cố định chưa cao. Tác giả đưa ra giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động, vốn cố định, nâng cao doanh lợi vốn tài có, tăng vòng quay vốn của công ty.

Nguyễn Thị Hằng Linh, (2005), đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty phân bón hóa chất đứ khí: phương pháp so sánh, phương pháp thay thế liên hoàn tác giả phân tích tình hình thực tế doanh thu, chi phí của năm trước và

biết những nhân tố ảnh hưởng. Tác giả lập ma trận Swot tìm kiếm những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, rủi ro và có kết luận rằng hiện tại kinh doanh của công ty rất cao, lợi nhuận liên tục tăng, sản phẩm rất đa dạng nên những yếu kém của hoạt động này sẽ được bù đắp bởi hoạt động khác. Công ty cần duy trì phân khúc thị trường, mở rộng thị trường tiêu thụ và phát triển sản phẩm mới.

Nguyễn Ngọc Diệp, (2005), Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Công ty chế biến giấy Bình Định: Thông qua phân tích tình hình tiêu thụ, chi phí, lợi nhuận, phân tích nguồn thu nhập, khó khăn của công ty cho thấy hoạt động kinh doanh của công ty rất hiệu quả nhưng giá cao do sản phẩm không có lợi thế cạnh tranh. Tác giả đưa ra giải pháp là công ty cần giảm chi phí tiêu thụ trong nước và xuất khẩu, giảm chi phí lãi suất tình hình lợi nhuận, tình hình tài chính.

Một điểm đáng chú ý của các tác giả trong quá trình nghiên cứu là đưa vào hệ thống chỉ tiêu phân tích hiệu quả chung cho tất cả các doanh nghiệp, các chỉ tiêu phân tích còn rời rạc và chưa có hệ thống chỉ tiêu chi tiết khi phân tích hiệu quả kinh doanh của từng ngành nghề, từng lĩnh vực. Nhiệm vụ của công trình nghiên cứu là nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp cả toàn diện, hệ thống và chuyên sâu hơn nữa đáp ứng các yêu cầu thị trường và hiện tại có rất ít công trình khoa học, luận án vì thế việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn Bình Định, các biết của các doanh nghiệp xây dựng.

Xuất phát từ ý tưởng này, chúng tôi nhận thấy rằng các giáo viên hướng dẫn tôi đã thể hiện Luận văn thạc sĩ của mình **“Phân tích hiệu quả sản xuất kinh doanh tại Công ty TNHH Bình Phát”**.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ SẢN DẪN TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1. TÍNH QUAN TRỌNG VÀ HIỆU QUẢ SẢN DẪN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1.1. Tính quan trọng

a. Khái niệm doanh nghiệp

Khái niệm doanh nghiệp như sau: “*Đơn vị kinh tế độc lập, tài sản cố định và quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như một thể thống nhất*”.

b. Vai trò của doanh nghiệp

Doanh nghiệp là chủ thể kinh tế quy mô lớn và phát triển của doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Doanh nghiệp xác lập và pháp lý của doanh nghiệp, vận hành cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo mục tiêu đã định.

c. Phân loại doanh nghiệp:

Có nhiều cách phân loại doanh nghiệp tùy vào góc độ xem xét: Phân loại doanh nghiệp theo quan hệ sở hữu, phân loại doanh nghiệp theo chuyên ngành, phân loại doanh nghiệp theo ngành nghề, phân loại doanh nghiệp theo thời gian hoạt động và sản phẩm.

1.1.2. Khái quát về Hiệu quả sản xuất

a. Khái niệm hiệu quả sản xuất

Hiệu quả sản xuất là chỉ tiêu biểu hiện mức độ hiệu quả kinh doanh, phản ánh trình độ quản lý và sản xuất doanh nghiệp trong việc tối đa hoá kết quả lợi ích hoạt động kinh doanh và thời gian sản xuất theo các điều kiện vốn, nhân lực xác định phù hợp với mục tiêu kinh doanh.

b. Ý nghĩa của việc nâng cao hiệu quả sản xuất

Nâng cao hiệu quả sản xuất nhằm bảo đảm an toàn tài chính cho doanh nghiệp, nâng cao

khả năng cạnh tranh, giúp cho doanh nghiệp đạt các mục tiêu tăng giá trị tài sản của chủ sở hữu và các mục tiêu khác của doanh nghiệp.

1.2. NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG NHƯNG SẢN XUẤT

1.2.1. Các nhân tố bên ngoài

a. Môi trường hoạt động của doanh nghiệp

b. Đặc điểm kinh tế kỹ thuật của ngành kinh doanh

1.2.2. Các nhân tố bên trong

a. Các yếu tố sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp

b. Nhân tố con người

c. Phương pháp hạch toán

e. Cơ cấu vốn

1.3. PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ SẢN XUẤT TRONG DOANH NGHIỆP

1.3.1. Phương pháp so sánh

1.3.2. Phương pháp chi tiết

1.3.3. Phương pháp loại trừ

1.3.4. Phương pháp liên hệ

1.4. NỘI DUNG PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ SẢN XUẤT TRONG DOANH NGHIỆP

Bắt đầu từ doanh nghiệp nào cũng quan tâm đến hiệu quả sản xuất của doanh nghiệp. Đánh giá hiệu quả sản xuất của các doanh nghiệp đi vào phân tích đánh giá các chỉ tiêu hiệu quả sản xuất cá biệt (hiệu quả sản xuất nội bộ và vốn cố định) và hiệu quả sản xuất kinh doanh thông qua hệ thống các chỉ tiêu

nh : T su t sinh l i tài s n (ROA), t su t sinh l i v n ch s h u (ROE) . M t khác trong công tác phân tích doanh nghi p c n i sâu phân tích các nhân t nh h ng n các ch tiêu trên.

1.4.1. Phân tích hi u qu s đ ng v n cá bi t

a. Hi u qu s đ ng v n l u ng

Hi u su t s đ ng v n l u ng c a doanh nghi p c ánh giá thông qua ch tiêu th hi n t c luân chuy n v n l u ng nh : s vòng quay bình quân c a v n l u ng, s ngày bình quân c a m t vòng quay v n l u ng. Vi c quay nhanh v n l u ng có ý ngh a không ch t i t ki m v n mà còn nâng cao kh n ng sinh ra ti n, nâng cao l i nhu n c a doanh nghi p.

ánh giá sâu h n, c n i sâu phân tích m c nh h ng c a các nhân t n hi u qu s đ ng các lo i tài s n, ngu n l c c a doanh nghi p b ng ph ng pháp thay th liên hoàn ho c ph ng pháp s chênh l ch, sau ó phân tích các nguyên nhân nh h ng và đ oán các bi n pháp t ng hi u qu cá bi t.

b. Hi u qu s đ ng v n c nh

i v i các DNSX, giá tr s n xu t hình thành ch y u t n ng l c TSC nên th hi n hi u qu cá bi t v i c s đ ng TSC , có th tính hi u su t s đ ng TSC theo các ch tiêu: Hi u su t s đ ng tài s n c nh, T su t sinh l i c a tài s n c nh:

1.4.2. Phân tích hi u qu s đ ng v n kinh doanh

phân tích ánh giá m t cách chính xác và toàn di n hi u qu s đ ng v n kinh doanh c a doanh nghi p, trong công tác phân i nên i vào phân tích ch tiêu “T su t sinh l i tài s n (ROA)” và “T su t l i nhu n v n ch s h u (ROE)”.

a. T su t sinh l i tài s n (ROA)

Vi c phân tích hi u qu s đ ng v n kinh doanh c th hi n thông qua t su t l i nhu n trên t ng v n kinh doanh (ROA) là m t trong nh ng t s ánh giá tình hình tài chính c a doanh nghi p qua ó giúp nhà qu n lý ra nh ng quy t nh qu n lý nh m nâng cao hi u qu s đ ng v n kinh doanh v kh n ng sinh l i c a vi c s đ ng tài s n.

$$\text{T su t sinh l i tài s n (ROA)} = \frac{\text{L i nhu n tr c thu}}{\text{T ng tài s n bình quân}} \times 100\%$$

làm rõ các nhân t nh h ng n ch tiêu t su t sinh l i tài s n, ch tiêu ROA còn c chi ti t qua ph ng trình Dupont.

b. Phân tích hi u qu s đ ng v n ch s h u

Hi u qu s đ ng v n c các nhà phân tích nhìn nh n kh n ng sinh l i c a doanh nghi p. ây là m t trong nh ng n i dung phân tích c các nhà u t , các nhà tín đ ng và các c ông c bi t quan tâm. Hi u qu s đ ng v n c a doanh nghi p th hi n qua ch tiêu phân tích hi u qu s đ ng ngu n v n ch s h u. Do v y, phân tích hi u qu tài chính c a doanh nghi p, ng i ta phân tích ch tiêu t su t sinh l i VCSH (ROE)

$$\text{T su t sinh l i VCSH (ROE)} = \frac{\text{L i nhu n sau thu}}{\text{VCSH bình quân}} \times 100\%$$

Các nhân t nh h ng n hi u qu v n ch s h u

Có th nh n th y r ng, ch tiêu ROE ch u s tác ng t ng h p c a nhi u y u t . Nó ph thu c tr c ti p vào các quy t nh c a các nhà qu n lý thông qua nhi u chính sách, nh : chính sách tiêu th , chính sách s n xu t và chính sách tài chính.

D a trên các cách ti p c n lu n v n a ra nhân t nh h ng n hi u qu tài chính nh sau:

$$\begin{aligned}
 \text{ROE} &= \frac{\text{L i nhu n sau thu}}{\text{VCSH bình quân}} \times 100\% \\
 &= \frac{\text{L i nhu n tr  c thu}}{\text{T  ng t i s  n bình quân}} \times \frac{\text{T  ng t i s  n bq}}{\text{VCSH bq}} \times (1 - T) \\
 &= \frac{\text{L i nhu n tr  c thu}}{\text{T  ng t i s  n bình quân}} \times \left(1 + \frac{\text{N  p h i tr bq}}{\text{VCSH bq}}\right) \times (1 - T) \\
 &= \frac{\text{T  s u t sinh l i c  a t i s  n}}{\text{T  ng t i s  n bình quân}} \times \left(1 + \frac{\text{N  p h i tr bq}}{\text{VCSH bq}}\right) \times (1 - T)
 \end{aligned}$$

Trên c   s   m  c nh h  ng c  a c  c nh  n t  , nh  a ph  n t  ch s   t  m h  i u c  c nguy  n nh  n, d  o  n c  c bi  n ph  p c  i thi  n h  i u qu   t  i ch  nh c  a doanh nghi  p.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ SẢN DẠNG VÀ N TỔNG CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT GIẢI ĐÓN 2009-2011

2.1. TÌNH QUẢN VÀ CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Năm 1994, Công ty TNHH Đầu Tư Phát Giải được thành lập tháng 12 năm 1994 với vốn đầu tư 200.000.000 đồng với tên Doanh Nghiệp Tư Nhân Xây Dựng Đầu Tư Phát. Năm 1999 đổi tên thành Công ty TNHH Đầu Tư Phát với vốn đầu tư 865.000.000 đồng. Năm 2004, vốn đầu tư của công ty đã tăng lên 7.423.979.000 đồng. Năm 2007, tổng vốn đầu tư của công ty đã lên đến 15.000.000.000 đồng. Ngày 06 tháng 01 năm 2009, đã sáp nhập công ty TNHH Tân An vào Công ty TNHH Đầu Tư Phát và có sự mở rộng ngành nghề kinh doanh mới. Năm 2011, Vốn đầu tư của công ty tính đến thời điểm này là 34.016.189.000 đồng.

Bên cạnh đó công ty còn liên kết với Công ty Cổ Phần Xây Dựng An Ninh thành lập Công ty Cổ Phần Đầu Tư Khu Công Nghiệp Nhơn Hòa, liên kết với Công Ty TNHH Xây Dựng Cổ An thành lập Công Ty Cổ Phần Tiên Thuần.

2.1.2. Cơ cấu tổ chức, bộ máy sản xuất

2.1.3. Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh của công ty TNHH Đầu Tư Phát

2.1.4. Cơ cấu quản lý tài chính của công ty TNHH Đầu Tư Phát

2.1.5. Cơ cấu vốn và tài chính của công ty TNHH Đầu Tư Phát

a. Đặc điểm về cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2008 – 2011

Công ty TNHH Kinh Phát hoạt động chủ yếu là lĩnh vực xây dựng địa phương. TSC như một sự đầu tư dài hạn của công ty rất tập trung vào đây thì hiện công ty đang chủ yếu tập trung thanh toán nợ ngắn hạn. Bên cạnh đó, một phần chi phí tài chính của Công ty hiện nay thể hiện qua tỷ lệ nợ trên VCSH, tỷ lệ nợ trên VCSH của công ty trong giai đoạn này tương đối trung bình là 459%.

b. Chỉ số về cơ cấu tài sản giai đoạn 2008 – 2011

Tài sản ngắn hạn của công ty năm 2008 là 85.581 triệu đồng chiếm 84,9%, năm 2009 là 88.091 triệu đồng chiếm 82,6%, năm 2010 là 123.432 triệu đồng và chiếm 79,3%, năm 2011 tăng lên 195.175 triệu đồng và chiếm 79,5%. Tài sản ngắn hạn của công ty giai đoạn 2008 – 2011 luôn luôn chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng tài sản của công ty.

c. Các hình thức huy động vốn

Vốn vay ngân hàng, vốn góp các thành viên, thanh toán nội bộ chiếm 10% và hiện đang có dấu hiệu tăng lên, vốn chiếm đóng khách hàng và tín dụng nội bộ, chiếm 40% tổng nguồn huy động. Ngoài ra còn có nguồn nội bộ và các nguồn khác

2.1.6. Ảnh hưởng của hoạt động kinh doanh của công ty

Lợi nhuận trước thuế năm 2011 tăng 9.248 triệu đồng tăng 823 triệu đồng tăng 8,9% so với năm 2010 và tăng 3.042 triệu đồng tăng 49,02% so với năm 2009. Tình hình này là do nhu cầu nguyên nhân doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 178.950 triệu đồng năm 2009, tăng lên 200.117 triệu đồng năm 2010 lên 268.607 triệu đồng năm 2011. Doanh thu năm 2011 tăng 89.657 triệu đồng so với năm 2009 và 68.490 triệu đồng so với năm 2010. Trong giai đoạn 2009 – 2011 doanh thu hoạt động tài chính chiếm 52

tri u ng n m 2009 lên 1.188 n m 2010 và 916 tri u ng n m 2011. Tuy nhiên bên c nh t ng doanh thu thì giá v n hàng bán c ng có xu h ng t ng t ng ng n m 2011 ã t ng 50,79 % so v i 2009 và t m c x p x 81.935 tri u ng. Chi phí chi m t tr ng l n trong doanh thu t i 95,82%, khi n lãi tr c thu c a công ty m c dù có t ng nh ng v n m c th p so v i quy mô v n, n m 2011 công ty t ng h n so v i n m 2009 là 3.042 tri u ng l i nhu n tr c thu , t ng ng 49,02%

2.2. TH C TR NG CÔNG TÁC PHÂN TÍCH HI U QU S Đ NG V N C A CÔNG TY TNHH INH PHÁT

Phân tích hi u qu ho t ng nói chung và phân tích hi u qu s đ ng v n nói riêng t i các công ty nh m cung c p thông tin h u ích cho các i t ng quan tâm n hi u qu c a công ty. Thông qua k t qu phân tích giúp cho ban i u hành công ty có cái nhìn chính xác, hoàn thi n h n v tình hình s đ ng tài s n, ngu n v n c a công ty và t ó a ra các quy t nh h p lý trong vi c s đ ng các ngu n l c kinh t này m t cách có hi u qu .

2.2.1. Th c tr ng v công tác t ch c phân tích

Phân tích tài chính b t u c tri n khai t i Công Ty TNHH inh Phát trong vài n m g n ây. Tuy nhiên, do ây m i ch là nh ng b c i u tiên nên hi n nay t i công ty ch a có b ph n làm công tác phân tích tài chính riêng mà vi c phân tích thu c ch c n ng c a phòng Tài Chính- K Toán. Ngu n s li u ch y u dùng phân tích là các báo cáo tài chính, các s chỉ ti t c ng nh các s li u liên quan n tình hình ho t ng công ty. N i dung phân tích ch y u là phân tích m t s n i dung c b n ph n ánh khái quát tình hình tài chính, hi u qu kinh doanh. Vi c phân tích ch a c ti n hành

thông xuyên mà chỉ thể hiện vào thời điểm báo cáo tài chính năm kế tiếp xong hoặc khi có yêu cầu của Ban Giám đốc.

2.2.2. Thành tựu và nội dung phân tích

Công ty TNHH Kinh Phát chỉ phân tích hiệu quả kinh doanh nói chung trên cơ sở một số chỉ tiêu cơ bản chủ yếu để phân tích sâu về hiệu quả sản xuất kinh doanh. Căn cứ vào dữ liệu trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh công ty lập bảng phân tích. Về phân tích của công ty tập trung vào một số nội dung chủ yếu sau: Tỷ suất lợi nhuận doanh thu thuần (ROS), Tỷ suất lợi nhuận doanh thu thuần sản xuất kinh doanh, tỷ suất sinh lời tài sản (ROA), tỷ suất sinh lời vốn chủ sở hữu (ROE)

Công ty chỉ phân tích các chỉ tiêu mang tính về hiệu quả hoạt động chủ yếu phân tích vào chỉ tiêu hiệu quả sản xuất kinh doanh. Hơn nữa, khi phân tích chủ yếu nêu rõ các nhân tố ảnh hưởng đến các chỉ tiêu đang phân tích để có cơ sở khoa học trong việc đưa ra các biện pháp hoàn thiện hợp lý.

2.2.3. Thành tựu và công tác vi phạm báo cáo phân tích

Báo cáo phân tích là bằng chứng phản ánh giá trị kinh tế thực tế phản ánh tài liệu minh họa cho kết luận rút ra từ quá trình phân tích, thông tin báo cáo phải nêu rõ thành tựu hoạt động của doanh nghiệp và xu hướng các chỉ tiêu về hiệu quả sản xuất kinh doanh phân tích.

2.2.4. Phương pháp phân tích

Trong công tác phân tích hiệu quả hoạt động của công ty hiện nay chủ yếu dựa vào một số phương pháp nghiên cứu như: Phương pháp so sánh, phương pháp phân tích chi phí, phương pháp phân tích chi phí. Đây là các phương pháp truyền thống cơ bản và phổ biến trong phân tích tình hình tài chính nói chung và phân tích hiệu quả hoạt động nói riêng của các doanh nghiệp.

2.3. ẢNH GIÁ V CÔNG TÁC T CH C , N I DUNG VÀ PH NG PHÁP PHÂN TÍCH HI U QU S Đ NG V N T I CÔNG TY TNHH INH PHÁT

Qua tìm hi u th c tr ng phân tích hi u qu s đ ng v n c a Công ty TNHH inh Phát tác gi nh n th y công tác phân tích hi u qu s đ ng v n ch a c quan tâm. Công ty m i i phân tích các ch tiêu c b n v hi u qu kinh doanh, do ó thông tin t vi c phân tích ch a giúp nhi u cho công tác qu n lý c a công ty. Nh ng h n ch trong công tác phân tích bi u hi n h u h t các khâu nh : t ch c phân tích còn s sài n vi c s đ ng các ph ng pháp phân tích n gi n và n i dung phân tích còn thi u m t s ch tiêu. C th nh sau:

2.3.1. ảnh giá v công tác t ch c phân tích

Công tác t ch c phân tích hi u qu s đ ng v n bao g m các khâu nh : l p k ho ch phân tích, ti n hành phân tích và vi t báo cáo phân tích.

- L p k ho ch phân tích: T i công ty vi c l p k ho ch phân tích không c th c hi n mà đ a vào c s cái ã có các n m tr c và theo yêu c u c a Ban giám c công ty.

- Th c hi n phân tích: Công tác phân tích t i công ty ch a c th c hi n th ng xuyên và chuyên nghi p nên ng i phân tích ch tính toán m t s ch tiêu n gi n trên báo cáo tài chính.

- Vi t báo cáo phân tích: Công tác phân tích ch m i đ ng l i vi c tính toán ch tiêu ph n ảnh hi u q a ho t ng c b n nh t, r i t ó l p theo n i dung yêu c u c p trên đ i đ ng các v n b n n thu n ch ch a có nh ng nh n nh sâu s c v th c tr ng và nhân t nh h ng n hi u qu ho t ng và hi u qu s đ ng v n.

2.3.2. ảnh giá v n i dung phân tích.

Công ty đã tính toán mặt số chỉ tiêu phân tích cơ bản và đưa ra các đánh giá về mức độ tích cực của mình. Tuy nhiên vì các phân tích hữu ích hơn tổng của công ty còn bao gồm nhiều hơn như:

- Việc phân tích mặt số chỉ tiêu về việc tính toán các con số chi tiết để tìm hiểu bản chất hay nguyên nhân tạo ra những con số.
- Sự liên quan các chỉ tiêu phân tích của các số đo lường về mặt cách khoa học, còn thì ngược lại.
- Sự liên quan phân tích của công ty chỉ dựa trên báo cáo tài chính. Điều này có nghĩa là nguồn số liệu dùng để phân tích còn nhiều hạn chế, thì thông tin số đo lường trong công tác phân tích.

2.3.3. Đánh giá về phương pháp phân tích

Công ty TNHH Kinh Phát đã thực hiện phân tích hữu ích hơn kinh doanh nhưng không thể xuyên và theo yêu cầu của Ban giám đốc. Bên cạnh đó, công ty chưa thực hiện một bộ phận chuyên trách giao nhiệm vụ thực hiện công tác phân tích hữu ích nói chung và hữu ích số đo lường nói riêng theo định kỳ. Do vậy, phương pháp phân tích còn sơ sài, các báo cáo về phân tích này luôn bị rời rạc không tạo thành một hệ thống hoàn chỉnh, không bám sát tính hệ thống và liên tục trong báo cáo phân tích của công ty thì thiếu tính phân tích.

2.3.4. Đánh giá hữu ích số đo lường về nội dung Công ty TNHH Kinh Phát

a. Nhiệm vụ thực hiện

Công ty đã tiến hành số đo lường kinh doanh và thực hiện các hình thức huy động vốn tài trợ cho kinh doanh, tiến hành hàng tháng và thành công lên hơn 30% trong bối cảnh thị trường ngày càng khó khăn. Công ty vẫn duy trì một số lợi ích của vốn chủ sở hữu, duy trì trả lãi vay nợ nhằm giảm chi phí trong giai đoạn suy thoái về kinh tế, đây là tín hữu đáng mừng và khích lệ.

b. Nh ng m t ch a t c

Công ty s d ng không h p lý và thi u hi u qu v n l u ng c a mình th hi n vòng quay v n dài, lâu ; hi u qu s d ng v n th p. V n c nh chỉ m t tr ng quá th p trong t ng v n c a công ty. Tình hình cho th y, các kho n ph i thu c a công ty chỉ m t tr ng r t l n trong t ng tài s n l u ng c a công ty và có xu h ng t ng lên làm cho ngu n v n c a công ty b ng, công ty g p khó kh n h n trong kinh doanh c ng nh trong kh n ng thanh toán c a mình. Hàng t n kho c a công ty t ng r t nhanh, ch ng t công ty còn t n ng nhi u s n ph m s n xu t d dang, t n ng nguyên nhiên v t li u trong kho. Các kho n ph i tr t ng r t nhanh qua các n m. Doanh nghi p c n nghiên c u cách th c chào hàng, hoàn thành t t công trình mình th c hi n.

c. Nguyên nhân

Công ty áp d ng hình th c kh u hao theo ng th ng, do ó giá tr TSC ã c kh u hao h t nh ng l ng TSC này l i ch a c u t m i ho c ch u t khi máy móc ó không còn s d ng c, hi u qu kém. Vi c b trí c c u v n c a doanh nghi p c ng ch a c phù h p. Chi phí qu n lý c a doanh nghi p còn quá cao làm giá thành s n ph m c a công ty cao lên, khó kh n trong l nh v c c nh tranh. Do s gia t ng liên t c v i t c cao c a giá tr hàng t n kho và các kho n ph i thu. Do tình tr ng thi u v n, công ty ph i i vay ng n h n ngân hàng tài tr cho kinh doanh c a mình. Các xí nghi p thành viên, các i công trình ch a chú tr ng trong vi c s d ng nguyên v t li u, trang thi t b m t cách có hi u qu . Trình cán b qu n lý c a công ty nhìn chung v n còn nhi u h n ch . V th tr ng và kh n ng c nh tranh c a doanh nghi p t nh có nhi u b t l i và h n ch ...

CHƯƠNG 3

MÔ TẢ GIỚI THIỆU PHÁP NHẠM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ SẢN DƯƠNG VÀ TỔNG CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN PHÁT

3.1. YÊU CẦU HOÀN THIỆN CÔNG TÁC PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ SẢN DƯƠNG VÀ TỔNG CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN PHÁT

Công tác phân tích hiệu quả sản dương và nhân phẩm có tính thực tiễn và mang tính quyết định các yêu cầu sau:

- *Thứ nhất*: Công tác phân tích hiệu quả sản dương và nhân phẩm có tính thực tiễn và mang tính quyết định, chu đáo và cung cấp cho các bộ phận chuyên trách thực hiện.

- *Thứ hai*: Nội dung phân tích phải đáp ứng các yêu cầu đánh giá toàn diện hiệu quả sản dương và nhân phẩm trong công ty.

- *Thứ ba*: Xây dựng hệ thống các chỉ tiêu phân tích phù hợp với nội dung phân tích.

- *Thứ tư*: Phương pháp phân tích, kết hợp sử dụng các phương pháp phân tích định tính và định lượng phương pháp phân tích định tính, ứng dụng công nghệ tin học vào công tác phân tích.

- *Thứ năm*: Tài liệu phân tích, tài liệu dùng phân tích cần phải đảm bảo tính thông tin cần thiết, đầy đủ, chính xác, phù hợp với nội dung và phạm vi phân tích.

3.2. MÔ TẢ GIỚI THIỆU PHÁP NHẠM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ SẢN DƯƠNG VÀ TỔNG CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN PHÁT

3.2.1. Xây dựng hệ thống chỉ tiêu phân tích hiệu quả sản dương và nhân phẩm

Theo tác giả công ty nên xây dựng thêm một hệ thống các chỉ tiêu phân tích hiệu quả sản dương và nhân phẩm để đáp ứng nhu cầu và nhu cầu quản lý cho công tác phân tích, như sau:

- Hi u qu s d ng v n kinh doanh: Phân tích rõ m c nh h ng c a các nhân t n ch tiêu ROA nh hi u su t s d ng tài s n và t l l i nhu n trên doanh thu.

- Hi u qu s d ng v n ch s h u: Công ty nên phân tích rõ ch tiêu t su t sinh l i c a VCSH (ROE), và c n ph i phân tích các nhân t nh h ng n t su t sinh l i c a VCSH nh t su t l i nhu n trên doanh thu thu n, òn b y tài chính, hi u su t s d ng tài s n, kh n ng thanh toán lãi vay. T ó xác nh c s bi n òng ROE la do nhân t nào.

3.2.2. Hoàn thi n n i dung và ph ng pháp phân tích hi u qu s d ng v n t i công ty

Phân tích hi u qu s d ng v n là m t n i dung quan tr ng trong công tác qu n lý v n c a doanh nghi p. ánh giá hi u qu s d ng v n c a công ty, khi th c hi n phân tích theo tác gi công ty nên i phân tích t ng ch tiêu c th nh ch tiêu hi u qu s d ng v n c nh, hi u qu s d ng v n l u ng và các nhân t nh h ng n các ch tiêu trên. Bên c nh hai ch tiêu trên công ty c n phân tích cá nhân t nh h ng n “T su t sinh l i tài s n (ROA)” và “ T su t sinh l i VCSH (ROE)”. Theo tác gi công ty nên th c hi n n i dung và ph ng pháp phân tích nh sau:

a. Phân tích hi u qu v n l u ng

Hi u qu s d ng v n l u ng c th hi n qua các ch tiêu v vòng quay bình quân c a v n l u ng và s ngày bình quân c a m t vòng quay v n l u ng. th c hi n n i dung trên, theo tác gi các công ty nên l p b ng. Qua phân tích nh n th y s vòng quay bình quân c a VL là s ngày bình quân c a m t vòng quay VL qua các n m có d u hi u ch m đ n. Nguyên nhân ch y u là do nh h ng c a hai nhân t hàng t n kho và n ph i thu.

b. Phân tích hiệu quả vốn cố định

Hiệu quả sử dụng vốn cố định thể hiện qua các chỉ tiêu hiệu quả sử dụng tài sản cố định và suất sinh lợi của tài sản cố định.

Qua phân tích chỉ tiêu hiệu quả sử dụng TSCC có thể nói rằng hiệu quả sử dụng TSCC của giai đoạn này công ty đầu tư vào xây dựng nhà xưởng khí và mua sắm thiết bị máy móc cho công tác thi công. Nhưng tài sản này mới chỉ sử dụng vào sản xuất kinh doanh nên chưa phát huy hết công suất nên chưa mang lại hiệu quả kinh doanh.

c. Phân tích hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh

- Suất lợi nhuận vốn kinh doanh, theo số liệu đã phân tích, Suất sinh lợi của tài sản năm 2009 là 5,98%, năm 2010 tăng lên là 6,43% nhưng năm 2011 lại tụt xuống còn 4,61%. Nguyên nhân tác động của các nhân tố nhân tố “hiệu quả kinh doanh”, tác động của phương pháp loại trừ phân tích về chỉ tiêu suất sinh lợi tài sản (ROA) và các nhân tố như hàng tồn ROA.

- Suất sinh lợi vốn chủ sở hữu (ROE). Các số liệu trên bảng phân tích có thể phân tích xét về sự biến động của chỉ tiêu ROE và nhân tố của các nhân tố: hiệu quả kinh doanh (thông qua chỉ tiêu ROA và RE) và nhân tố cấu trúc nguồn vốn (thể hiện qua chỉ tiêu khoản nợ tài trợ, đòn bẩy tài chính, khoản thanh toán lãi vay) nhân chỉ tiêu ROE.

3.2.4. Kỹ thuật phân tích hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty TNHH Kinh Phát

Kỹ thuật phân tích hiệu quả sử dụng vốn tại công ty có thể thể hiện theo những nội dung sau:

a. Xây dựng quy chế riêng cho công tác phân tích hi u qu s d ng v n trong doanh nghi p.

b. Phân công b ph n chuyên trách và ào t o cán b làm công tác phân tích t i công ty

c. T ch c công tác phân tích tài chính trong công ty

3.3. M T S KI N NGH NH M GÓP PH N TH C HI N GI I PHÁP HOÀN THI N VÀ NÂNG CAO HI U QU S D NG V N T I CÔNG TY TNHH INH PHÁT

3.3.1. Nâng cao hi u qu s d ng v n c nh thông qua ti n hành nâng c p và i m i m t cách có ch n l c l ng TSC trong th i gian t i.

3.3.2. Nâng cao hi u qu s d ng v n l u ng thông qua vi c qu n lý hi u qu các kho n ph i thu, hàng t n kho, trang thi t b

3.3.3. T ng c ng công tác t ch c b trí lao ng

3.3.4. Gi m thi u chi phí qu n lý c a doanh nghi p m t cách t t nh t.

KẾT LUẬN

Vấn đề là mối liên hệ giữa doanh nghiệp, môi trường kinh tế và liên quan mật thiết đến nguồn vốn của doanh nghiệp để đi đến tận tâm học hỏi. Không có vấn đề doanh nghiệp sẽ không thể hiện được hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Một khác biệt quan trọng và nâng cao hiệu quả vấn đề là mối liên hệ khách quan trong hoạt động của doanh nghiệp. Theo đúng quy mô, lĩnh vực sản xuất kinh doanh mà doanh nghiệp đặt ra cho mình kế hoạch quản lý vấn đề kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế.

Doanh nghiệp là thành viên kinh tế, sẽ cạnh tranh kinh tế của mình để quy định hoạt động và tính hiệu quả trong sản xuất kinh doanh của mình. Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, tổ chức cạnh tranh và luôn nâng cao trong nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp phải quan tâm ứng dụng tiến bộ kỹ thuật sản xuất, hiệu quả sản xuất và vấn đề kinh doanh.

Qua nghiên cứu lý luận và phân tích hiệu quả sản xuất trong doanh nghiệp và tình hình thực tế công tác phân tích tình hình thực tế hiệu quả sản xuất nội bộ công ty TNHH Minh Phát, tác giả đã hoàn thành luận văn cao học với đề tài “Phân tích hiệu quả sản xuất nội bộ công ty TNHH Minh Phát”. Với sự nỗ lực của bản thân trong nghiên cứu này, luận văn sẽ đi sâu tìm hiểu thực tế, cùng với sự giúp đỡ tận tình của giáo viên hướng dẫn khoa học TS. Nguyễn Minh Toàn, luận văn xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc sau:

Thân gửi: Trình bày cảm ơn người thầy lý luận của mình về phân tích hiệu quả sản xuất trong doanh nghiệp.

Th hai: Tìm hi u th c tr ng công tác phân tích hi u qu s đ ng v n t i Công ty TNHH ình Phát và a ra nh ng ánh giá v công tác phân tích t i công ty.

Th ba: Trên c s nghiên c u lý lu n k t h p v i th c t i n v phân tích hi u qu s đ ng v n tài Công ty TNHH ình Phát , lu n v n ã a ra c ph ng h ng và gi i pháp hoàn thi n v n i dung và ph ng pháp phân tích hi u qu tài chính.

Th t : K t qu nghiên c u c a lu n v n có th c áp đ ng nâng cao ch t l ng công tác phân tích hi u s đ ng v n t i Công ty TNHH ình Phát. ng th i, có th nghiên c u v n đ ng trong các công ty xây đ ng.